

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 05/2022/DSST
Ngày 15 - 4 - 2022
V/v: “Tranh chấp Quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh M

2. Ông Lê Đức H

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng P – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST – DS, ngày 28/02/2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huyền N, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp , xã T H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Huyền N: Ông Phan Khắc H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 7, khu phố B T, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N là bà Nguyễn Thị N

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Mạnh H, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B L (Xin vắng mặt).

2/ Ông Trần Việt Ah, sinh năm 2004 và ông Trần Thái A, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Tổ 03, khu phố P A, phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước
(Xin vắng mặt)

3/Ông Trần Quốc T, sinh năm 1988 và bà Trần Thị D., sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp , xã T H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn bà Phạm Thị Huyền N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Khắc H trình bày: Trước đây bà Phạm Thị Huyền N và ông Trần Mạnh C là vợ chồng. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 44/TTLH ngày 22/9/1996 của Tòa án nhân dân huyện B L nay là Tòa án nhân dân thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Tại quyết định thuận tình ly hôn Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tài sản: Bà N được quyền sử dụng một thửa đất trồng Điều, diện tích 3,5 sào, tại ấp B T, xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé nay là khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, thửa đất có vị trí, phía đông giáp đất bà H, phía tây giáp đất ông H, phía Nam giáp đất ông Đ, phía bắc giáp đất bà Út H. Sau khi được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và chia tài sản chung, vì điều kiện làm ăn kiếm tiền nuôi các con, bà N đã dẫn 02 con con chung là Trần Thị Huyền D và Trần Quang T đến tỉnh Gia Lai cư trú. Do ở xa, bà N chưa có điều kiện làm thủ tục đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3,5 sào đất được chia. Thời gian bà N không có mặt tại địa phương, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N và bà N1 đối với 3,5 sào mà bà N được chia. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 trả lại cho bà Phạm Thị Huyền N 3.500m² đất tọa lạc tại ấp B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường Hung C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Ông N và bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Gia đình ông N và bà N1 trước đây có một mảnh đất diện tích 6.647,1m², thuộc tổ 6, ấp B T, xã A P, huyện B L, tỉnh Sông Bé nay thuộc tổ 3, khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, mảnh đất này kê bên mảnh đất diện tích hơn 3 sào của nhà ông Trần Mạnh C, vì điều kiện ông C không làm được, cỏ mọc um tùm, nên ông C kêu bán, gia đình ông N, bà N1 thấy le tót, sợ mùa khô cháy lan sang vườn nhà, nên đã mua luôn mảnh đất của ông C vào ngày 20/3/2000 với giá 13.500.000 đồng. Việc chuyển nhượng đất hai bên chỉ viết bằng giấy tay, ông N và bà N1 đã trả đủ tiền cho ông C và vợ ông C thời điểm đó bà

Trần Thị T, có xác nhận của tổ trưởng ấp Bình Tây lúc đó là ông Lê Văn Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông C xong gia đình ông N, bà N1 mua điều, tiêu về trồng và canh tác trên mảnh đất này, đồng thời làm thủ tục kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Y051601, số vào sổ 00001QSĐĐ/61/QĐ.UB ngày 15/01/2004, diện tích 3102m² đất trồng cây lâu năm, đứng tên hộ ông Trần Văn N. Đến năm 2005 Nhà nước có đợt đo đạc tổng thể và được cấp đổi lần 2, số AD951185 ngày 28/12/2005, diện tích 3433m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, đứng tên hộ ông N và bà N. Đến năm 2013, gia đình ông N, bà N1 làm thủ tục nhập 2 thửa đất số 109 diện tích 3.433m² và thửa số 96 diện tích 6.647,1m² vào làm một Giấy chứng nhận để tiện sử dụng, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM249327 ngày 03/9/2013 với diện tích 10.080,1m² trong đó có 200m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ ông N và bà N1. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng của ông Trần Mạnh C tháng 3/2000 đến nay gia đình ông N, bà N1 sử dụng đất ổn định đã được 21 năm đến khoảng năm 2019 có xây dựng một căn nhà cấp 4 trên đất, không có tranh chấp với ai, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Thời điểm nhận chuyển nhượng với ông C, gia đình bà N không gặp bà N1 lần nào. Lúc đó chỉ có một mình ông C vào làm rẫy, sau đó có bà T (vợ của ông C), khi nhận chuyển nhượng đất có ông C và bà T ký chuyển nhượng. Đất này gia đình ông N, bà N1 mua của ông C, chứ không phải của bà N. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà N1 trả lại cho bà N 3.500m² đất tọa lạc tại ấp B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, ông N và bà N1 không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long ông Tô Mạnh H trình bày: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N và bà N1 là đúng trình tự thủ tục. Đối với trường hợp bà Phạm Thị Huyền N yêu cầu ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 trả lại quyền sử dụng đất cho bà N thì đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn của Phạm Thị Huyền N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả lại cho bà N phần diện tích 3.500m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại các Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N và ông Trần Mạnh C chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 1996 ông C và bà N ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 44/TTLH ngày 22/9/1996 của Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Sông Bé, bà N được chia một mảnh đất trồng Điều, diện tích 3.5 sào (3.500m²), tọa lạc tại ấp B T, xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé nay là khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Sau khi được ông C và bà N giải quyết ly hôn và chia tài sản chung, bà N đến tỉnh Gia Lai làm ăn sinh sống. Do ở xa, bà N chưa có điều kiện làm thủ tục đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mảnh đất nói trên cho gia đình ông N và bà N1. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 trả lại cho bà N mảnh đất có diện tích 3.500m² đất nay diện tích còn 3.433m² thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đứng tên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 Bị đơn ông N và bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Huyền N. Bà N1 trình bày vào năm 1997 vợ chồng ông N và bà N1 vào làm ăn sinh sống tạo lập một mảnh đất diện tích 6.647,1m² tại tổ 6, ấp Bình Tây, xã An Phú, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé nay là tổ 3, khu phố Bình Ninh 2, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, đến năm 2000 ông N và bà N1 nhận chuyển nhượng của ông Trần Mạnh C một mảnh đất liền kề hơn 3 sào nay là diện tích 3.433m², giá 13.500.000 đồng, đã trả tiền đủ cho ông C, có giấy biên nhận. Việc chuyển nhượng đất hai bên chỉ viết bằng giấy tay, khi đó có vợ ông C là bà Trần Thị T (Nay đã chết), có xác nhận của tổ trưởng ấp Bình Tây lúc đó là ông Lê Văn Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng ông N, bà N1 đã trồng điều, tiêu và canh tác trên mảnh đất này, đồng thời làm thủ tục kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Y051601, số vào sổ 00001QSDĐ/61/QĐ.UB ngày 15/01/2004, diện tích 3.102m² đất trồng cây lâu năm, đứng tên hộ ông Trần Văn N. Đến năm 2005, Nhà nước có đợt đo đạc tổng thể và được cấp đổi lần 2, số AD951185 ngày 28/12/2005, diện tích 3.433m², thuộc thửa số

109, tờ bản đồ số 32, đứng tên hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1. Năm 2019 ông N và bà N1 xây dựng một căn nhà cấp 4 trên đất, không có tranh chấp, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Nay bà N yêu cầu trả lại đất thì bà Nhài và ông Nhiên không đồng ý.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo Quyết định thuận tình ly hôn số 44/TTLH ngày 22/9/1996 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé. Bà Phạm Thị Huyền N được quyền sử dụng một thửa đất trồng Điều, diện tích 3.5 sào, tọa lạc tại ấp B T xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé nay là khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, có vị trí, phía đông giáp đất bà H, phía tây giáp đất ông H, phía Nam giáp đất ông Đ, phía bắc giáp đất bà Út H. Nay xác diện tích đất trên ông C sang nhượng cho ông N và bà N1 vào ngày 29/3/2000 và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Y051601, số vào sổ 00001QSDĐ/61/QĐ.UB ngày 15/01/2004, diện tích 3.102m² đất trồng cây lâu năm, đứng tên hộ ông Trần Văn N. Đến năm 2005, Nhà nước đo đạc tổng thể và cấp đổi lần 2, số AD951185 ngày 28/12/2005, diện tích 3.433m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 32, đứng tên hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1. Đến năm 2013, gia đình ông N, bà N1 làm thủ tục nhập 2 thửa đất số 109 diện tích 3.433m² và thửa số 96 diện tích 6.647.1m² vào làm một Giấy chứng nhận, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM249327 ngày 03/9/2013 diện tích 10.080.1m², trong đó có 200m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 364, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1. Do ông N và bà N1 sử dụng canh tác trồng Tiêu, trồng Điều và xây dựng nhà ở ổn định nay không đồng ý trả đất mà đồng ý trả lại tiền cho bà N. Trong thời gian chuẩn bị xét xử các bên đã thỏa thuận được cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị Tòa án ghi nhận với nội dung như sau:

Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Huyền N số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), giá trị diện tích đất 3.433m², thời gian trả tiền vào ngày 20/6/2022. Ông N và bà N1 được toàn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với mảnh đất có diện tích 3433m², đất trồng cây lâu năm, trong tổng diện tích 10.080.1m² đó có 200m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 364, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1i. Đối với toàn bộ tài sản gắn với đất là tài sản của ôn N và bà N1.

[4] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bà Phạm Thị Huyền N tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo phiếu thu ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

[5] Đối với giao dịch (Giấy mua bán đất) giữa ông Trần Mạnh C sang nhượng đất cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 vào ngày 29 tháng 3 năm 2000 do các bên thống nhất tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau và yêu cầu Tòa án ghi nhận trước khi mở phiên tòa cho nên án phí dân sự sơ thẩm 28.500.000 đồng, hai bên đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ tiền án phí: Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 chịu 14.250.000đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Huyền N chịu 14.250.000đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N chịu .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai, các Điều 164, Điều 166 và Điều 169 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Huyền Nga về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

1.1 Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Huyền N số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), trả tiền vào ngày 20/6/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.2 Ông Trần Văn N1 và bà Nguyễn Thị N1 được toàn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với mảnh đất có diện tích 3.433m², đất trồng cây lâu năm, trong tổng diện tích 10.080.1m², thuộc thửa số 364, tờ bản đồ 32, tọa lạc tại khu phố B N, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N. (Đối với toàn bộ tài sản gắn với đất là tài sản của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N).

1.3 Đối với giao dịch giữa ông Trần Mạnh C sang nhượng đất cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N vào ngày 29 tháng 3 năm 2000 do các bên thống nhất tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Chi phí tố tụng: Căn cứ vào các Điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bà Phạm Thị Huyền N chịu được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, theo phiếu thu ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên đương sự thỏa thuận ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N1 chịu 14.250.000đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Phạm Thị Huyền N chịu 14.250.000đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001666 ngày 04/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, bà N còn phải nộp 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHAND thị xã Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHAND thị xã Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Tùng